

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO
Lần 3**

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã
nông nghiệp của tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 117 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

- Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025);

Căn cứ Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, phát triển khoa học-công nghệ; phát triển thương mại bền vững, phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đẩy nhanh phát triển văn hóa-xã hội, giai đoạn 2021-2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1) Cơ sở pháp lý

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;
- Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (trong đó ưu tiên về Chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn tại Chương V).
- Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;
- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025);
- Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, phát triển khoa học-công nghệ; phát triển thương mại bền vững, phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đẩy nhanh phát triển văn hóa-xã hội, giai đoạn 2021-2025;

Các Nghị định, Quyết định, Thông tư của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ, các Bộ, ngành trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai, thực hiện;

Căn cứ các Nghị quyết, quyết định, quy định về chính sách hỗ trợ của tỉnh có liên quan đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2) Sự cần thiết phải ban hành chính sách

Với tiềm năng, lợi thế lớn về quy mô sản xuất, khí hậu, thổ nhưỡng, kỹ thuật canh tác và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa (điều, hồ tiêu, cây cao su, cây ăn trái và chăn nuôi (heo, gà, dê)...; các ngành hàng này đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm; công tác quy hoạch vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi từng bước tạo chỗ đứng vững chắc tại thị trường trong nước, thế giới; Trước xu thế tiêu dùng trong nước, quốc tế về nông sản sạch ngày càng cao, ổn định khoảng 20 %/ năm và dịch chuyển từ mua tại chợ truyền thông qua các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, mua online...tăng trưởng khoảng 30% năm đối với sản phẩm từ hạt Điều, cây trái cây và chăn nuôi heo, gà...; Bên cạnh đó, các tổ chức sản xuất nông nghiệp sạch điển hình như: Mô hình sản xuất rau an lá (HTX nông nghiệp Minh Hưng), mô hình cây ăn trái (HTX sầu riêng Bàu Nghé, HTX Phước Thiện, Nông Thành Phát, Hồng Nịp...); mô hình sản xuất Dưa Lưới, rau thủy canh (HTX Nguyên Khang-Garden, HTX Tân Quan), mô hình sản xuất Điều hữu cơ (HTX Đồng Xanh, HTX Đồng Nai)...đã từng bước khẳng định thương hiệu, tiêu thụ tại các siêu thị lớn và liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tuy nhiên, (1) trong giai đoạn 2016-2020 các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ thông qua các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, tự phát, thiếu định hướng về tổ chức sản xuất, chất lượng chưa cao, sản xuất chưa chú trọng đến thị trường tiêu thụ, chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại ... (2) ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ thông qua các hợp tác xã rất ít, thiếu đồng bộ trọng tâm, trọng điểm và năng lực về tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc đối với các hợp tác xã nông nghiệp chưa được quan tâm. (3) thực tiễn sản xuất, lưu thông, tiêu thụ nông sản khi chính phủ áp dụng Chỉ thị 16 thể hiện rất rõ những hạn chế của tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện nay của tỉnh là sản xuất nhỏ, manh mún, không có tiêu chuẩn, áp dụng công nghệ thông tin, thị trường rất hạn chế và rất thiếu nguồn lực, vật lực khâu sơ chế, chế biến và thương mại điện tử. Do đó trước diễn biến dịch, bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường chúng ta phải đẩy nhanh, mạnh hơn nữa việc tổ chức lại tổ chức sản xuất, sản xuất phải theo tiêu chuẩn, sản xuất cái thị trường cần và sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử... thì việc *xây dựng chính*

sách hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cấp thiết.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

a. Mục tiêu chung của chính sách

- Xây dựng vùng nguyên liệu sạch, an toàn phục vụ mục tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản xuất phải có quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phải đủ lớn, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại, thương mại điện tử, công nghệ 4.0 vào trong sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư, hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm thống nhất, công khai, minh bạch và tập trung hỗ trợ thông qua các hợp tác xã nông nghiệp.

b. Mục tiêu cụ thể của chính sách đến năm 2025

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 100 lớp với 3.000 lượt người tham gia.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các hợp tác xã) cho khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau được xác nhận, chứng nhận sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Có thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã chăn nuôi dê, bò được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

- Hỗ trợ khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các hợp tác xã nông nghiệp 01 lần trong một chu kỳ sản xuất đối với 100 hợp tác xã tham gia mô hình sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ khoảng 50 hợp tác xã tham gia xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, đưa sản phẩm lên các sàn giao dịch điện tử.

- Hỗ trợ cho 100 HTX xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100 hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2) Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh.

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

- Tập trung các nguồn lực của tỉnh, địa phương và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài thực hiện nghị quyết này và tập trung hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch thông qua các hợp tác xã.

- Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, trung ương quy định.

b) Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) và các thành viên.

- Doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ với hợp tác xã theo chuỗi giá trị.

3) Thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua

Dự kiến hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua vào kỳ họp cuối năm năm 2021.

4) Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện

a. Dự kiến kinh phí và nguồn lực thực hiện

Nếu chính sách này được thông qua dự định hỗ trợ các sản phẩm chính sau: Điều. Hồ tiêu, cây ăn trái (bưởi, xoài, mít, sầu riêng, nhãn...cam, quýt), rau (ăn lá, ăn quả), lúa và chăn nuôi dê, bò; dự kiến kinh phí nguồn lực thực hiện cụ thể như sau:

* Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025: 61.005.000.000 đồng, trong đó:

+ Nhà nước hỗ trợ: 45.740.000.000 đồng

+ Hợp tác xã, thành viên HTX đối ứng: 5.400.000 đồng

+ Nguồn vốn khác: 9.865.000.000 đồng.

(Có phụ lục kinh phí kèm theo)

2. Điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách

a) Đối với ngân sách tỉnh, địa phương: UBND tỉnh, UBND cấp huyện chủ động cân đối ngân sách của tỉnh, huyện bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình khuyến nông, Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nguồn kinh phí sự nghiệp được giao và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác để thực hiện Nghị quyết.

b) Từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Kết quả đạt được dự kiến

- Số lượng: Có khoảng: 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 30% đơn vị sản xuất rau được xác nhận, chứng nhận sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm và được chứng nhận theo quy định và 90 hợp tác xã trồng trọt, 10 hợp tác xã chăn nuôi dê, bò được cấp giấy an toàn thú y, có truy xuất nguồn gốc, sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Kinh tế-xã hội: góp phần đẩy nhanh sản xuất nông nghiệp sạch, theo thị trường, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm và xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100 hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch cho hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung danh mục ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2019./.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**